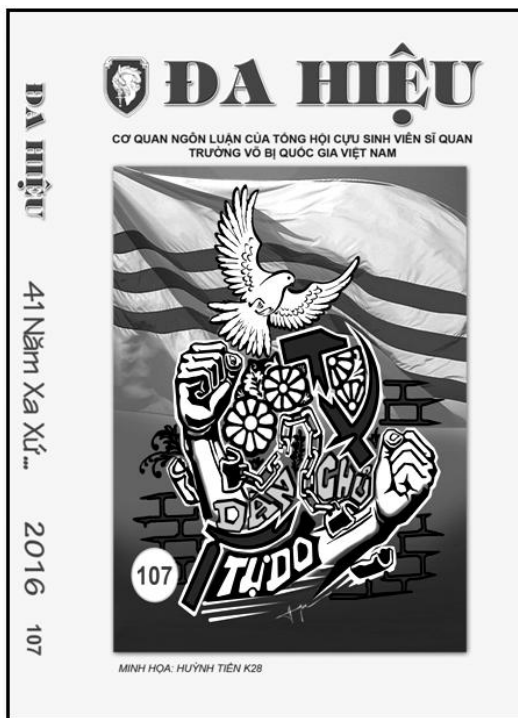


*Viết
về
Đa
Hiệu
số 107*

*Tháng
5/2016*



Trần Thị Nguyệt Mai

Tôi thật sự xúc động khi cầm trên tay cuốn báo Đa Hiệu số 107. Tranh bìa với hình ảnh con chim bồ câu tung bay trên nền cờ vàng ba sọc đỏ rực rỡ, hai cánh tay đưa lên nắm chặt với xích xiềng đã bị bứt tung bên hoa vàng và những từ Dân Chủ, Tự Do. Có phải người họa sĩ muốn nói lên quyết tâm phá tan áp bức, mang đến tự do dân chủ và mùa xuân thanh bình cho dân tộc của tất cả con dân Việt Nam?

Lật trang trong, hình ảnh người Sinh viên Võ Bị năm xưa trước cổng trường cũ với câu châm ngôn “Tự thắng để chỉ huy” như nhắc nhở những người trai Võ Bị dù trong bất cứ hoàn cảnh nào mình cũng là người chỉ huy nên phải biết “Tự Thắng” chính mình.

Tiếp theo là trang Di chúc của vua Trần Nhân Tông, một vị vua được sử sách ca ngợi là một trong những hoàng đế anh minh, có vai trò lãnh đạo quan trọng trong chiến tranh Nguyên Mông-Đại

Việt lần 2 và lần 3. Sau khi quân đội Đại Việt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đánh tan quân đội hùng mạnh của nhà Nguyên, vua Trần Nhân Tông đã cho giảm thuế, phát lương chẩn, tích cực khôi phục các công trình đã bị quân Nguyên hủy hoại... Nhờ đó, nước Đại Việt dần dần lấy lại sự hưng thịnh và phát triển cực thịnh thêm nữa. [1] Càng đọc tôi càng thấm thía và khâm phục vị minh quân này. Ông đã nhìn xa, trông rộng, đã tiên liệu từ hơn 800 năm trước: “*Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa nước Tàu... Không thôn tính được ta thì gặm nhấm ta...*” Ôi lời Người sao thật chí lý như còn vang vọng khắp non sông: “*Một tác đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác*”.

Tim tôi đã rạn nứt khi nhìn người thiếu nữ trong y phục tang chế quỳ trước ngôi mộ của miền Nam: 30/4/1975 – ngày phần đất ở phương Nam đang phát triển, đầy sức sống và sáng tạo đã chết tức tưởi. Biết bao thân phận, gia đình và con người đã ly tán, tan nát, đổ vỡ, chết chóc... vì biến cố này. Những con số ghi ở đây có quá khiêm tốn chăng?

100.000 chết thủ tiêu

95.000 chết tù cải tạo

500.000 chết vượt biển

Tôi e sự thật còn nhiều hơn thế nữa...

Bởi vậy nên "Tháng Tư mãi là nỗi buồn" như tựa một bài viết của Cao Huy Huân. Tôi đã thấy hình ảnh một trong những chuyến tàu dầu tiên đưa người viễn xứ để từ đây con dân xứ Việt bắt đầu cuộc hành trình tỵ nạn, lưu vong ở xứ người vì không muốn và không thể sống dưới chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị, tất cả mọi thứ quyền tự do tối thiểu của con người đều bị bóp nghẹt.

Xin được kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của Ngũ Hồ Tướng của QLVNCH đã noi gương người xưa thà chết chứ không chịu đầu hàng giặc. Số báo này cũng đã giới thiệu những trang bi hùng của lịch sử cận đại chống lại cộng sản xâm lược bảo vệ miền Nam, để lớp con cháu sau này biết được thể hệ Cha Anh của mình đã chiến đấu dũng cảm, cố gắng giữ nước như lời tiền nhân dò dặt. Qua câu chuyện “Chiếc bóng của vị thầy tu” của Phạm Tín An Ninh, chúng ta biết được về Thiếu Tá Không Quân NVL, một phi công tài giỏi, thông minh và dũng cảm. “Anh đã bắt chấp mọi

hiêm nguy, tình nguyện tham gia cấp cứu một phi hành đoàn bạn, cứu được ba trong bốn người của phi hành đoàn, khi phi cơ phải đáp khẩn cấp vì bị trúng đạn, phát hỏa, người xạ thủ đã bị tử thương. Được bốn *gunships* yểm trợ, L. đã lura địch và đáp xuống trong màn lưới đạn, bốc ba người bạn đang bị Cộng quân truy bắt. Nhưng khi phi cơ vừa được bốc lên, L. bị trúng hai viên đạn, làm gãy xương cánh tay và ống chân trái... Người co-pilot trong phi vụ này đã kể lại câu chuyện với lòng thán phục: Nếu không có L. hôm ấy chắc chắn việc cấp cứu đã không thành, không chỉ ba người lâm nạn mà cả phi hành đoàn rescue có lẽ cũng đã bị địch quân giết hay bắt sống.” [2]

Bài viết “Chuẩn Tướng Trần Văn Hai trên chiến trường Chu Pao của tác giả Phạm Phong Dinh đã nhắc đến trận đánh hết sức khốc liệt của Kontum Kiêu Hùng năm 1972 mà phóng viên chiến trường Kim Tuấn - Vũ Hoàng đã ghi lại: “Vớ trận tuyến dài gần 3 cây số, địch tạo thành những tuyến ngang dọc chằng chịt bằng các giao thông hào sâu nửa người. Vớ một hỏa lực được mô tả là hết sức ác liệt, các loại súng chống chiến xa như B40, B41, 95KD, địch sử dụng làm vũ khí cá nhân. Mưu toan của trung đoàn 95B là tiêu diệt hoàn toàn “trung đoàn tăng”, đánh một trận phủ đầu để làm tạo uy thế làm nhụt chí binh sĩ ta...” [3]

Tiếp đó, bài viết "Câu: đại niên trường, 30 tháng 4" của tác giả Tealan Minh Tuyết đã viết về tấm gương kiêu hùng của cố Thiếu Tá Lê Vĩnh Xuân (K13) đã cùng gia đình tự sát vào tối ngày 30/4/1975 quyết không rơi vào tay giặc.

Làm sao cầm được nước mắt khi đọc "Chuyện cũ ghi lại" của MX Võ Xá tưởng nhớ cố Thiếu Tá Tôn Thất Trân, người đã ghi trong cuốn lưu niệm K20 những dòng chữ hào hùng: “*Nguyện dâng thân để nối gót các bậc đàn anh, góp phần đem lại thanh bình cho đất nước và an lạc cho dân lành*”. Anh đã thực hiện đúng lời thệ nguyện đó. MX Tô Văn Cấp đã kể lại: “*Bất cứ ở đâu với nhiệm vụ nào, Tôn Thất Trân vẫn sống và chiến đấu hào hùng, quả cảm và bằng cả khối óc của mình, đứng thẳng trên hai bàn chân...*” [4]. Đã có những lần đụng trận, bị thương nhưng anh không chịu lùi bước, tiếp tục chỉ huy trận đánh, mang lại thắng lợi vẻ vang. Vì anh suy nghĩ: “*Mấy ngày nay tôi đã nắm vững địa thế cũng như tình hình địch, nếu người khác thay họ phải làm lại từ đầu, có khi*

gây thêm tổn thất nữa...” Anh đã bị bên thắng cuộc hèn hạ bắn chết trong giờ thứ 25 ngày 1/5/1975.

“Người đàn em đáng nể: Thiếu Úy Trần Hữu Sơn K28” của Lê Quang Liễn, K20 đưa chúng ta về trại tù khổ sai Ái Tử Bình Điền. Ở đây, các cán bộ trại tù trên xuống dưới luôn đối xử với anh em hết sức tàn tệ, bằng lòng đẩy thù hận. Thiếu Úy Trần Hữu Sơn đã cùng anh em tham gia vào biến động 20/4/1975 và đã sa chân trong cùm kẹp nhưng vẫn không bị khuất phục trước bạo lực: Anh đã tuyệt thực để chống lại sự tàn bạo bất nhân của giặc Cộng và đến ngày thứ 8 (11/10/1979) anh đã vĩnh viễn ra đi để lại tiếc thương trong lòng tất cả anh em tù.

Và đặc biệt, lần đầu tiên trên Đa Hiệu, một danh sách đầy đủ những người con yêu Võ Bị khóa 19 Vị Quốc Vong Thân, một khóa “bù” nên đã gánh rất nhiều bất hạnh, tai ương và hy sinh nhiều nhất so với những khóa khác. Tôi dừng lại ở tên Thiếu Tá Bùi Đức Cát là anh cả của một chị bạn thân. Tôi lại nhớ đến những dòng thơ chị viết cho Anh năm ngoái:

*Một trưa 29 tháng Ba, 1971,
anh về, từ chiến trường Cam Bốt,
Nguyên vẹn hình hài, sao anh không nói năng?
Anh còn đó,
sao tim tôi tan vỡ?
Anh còn đó,
sao một họ hàng khăn trắng buồn đau? [5]*

*vòng khói lửa, anh đi,
bi tráng, oai hùng.
Khi trở về,
thiên thần gãy cánh, rã. mong manh...
chiến hữu nhớ thương,
gọi,
bụi. đất. cát. (B. Đ. C.), tên anh.*

*cuối tháng Ba, một ngày rữ rượi, buồn...
Tuổi ba mươi, cát bụi, với cuồng phong.
Tiễn đưa anh, nước mắt. một dòng sông...*

(Duyên - Tháng Ba, Anh Vè)

Chị vẫn nhắc nhớ anh Cát với tôi mỗi khi hai chị em có dịp nói chuyện với nhau. Gần đây, chị tâm sự: Đọc bài viết "Ông Ngoại của Na" của Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh mà chị nhớ anh Cát quá Mai ơi! Sao những chi tiết trong truyện lại quá giống như vậy? Anh Cát cũng học văn Khoa một năm rồi vào Võ Bị Đà Lạt với lý tưởng gìn giữ non sông, mang thanh bình về trên quê hương, dù Ba của chị muốn anh hoàn tất việc học trước đã. Nếu anh còn sống, thì chắc cũng như nhân vật trong truyện, anh cũng đã có vợ và con cháu, cũng vào trại tù cải tạo của CS và bây giờ đang mang bệnh tật của tuổi già... Nước mắt chị vẫn rơi mỗi khi nhắc đến anh...



Bỗng dung tôi nghĩ đến nước mắt những người thân, đồng đội, bạn bè của tất cả những Người Con Yêu đã hy sinh cho Tổ Quốc trong cuộc chiến vừa qua. Nước mắt đã nhiều như sông, như biển mà Tổ Quốc giờ vẫn chưa yên: Cộng Sản Việt Nam cùng với Tàu Cộng đã phá nát quê hương chúng ta trên mọi bình diện. Và gần đây nhất là chuyện cá chết hàng loạt dọc theo các vùng biển miền Trung, bắt đầu vào ngày 6/4/2016. Nguyễn cầu một mai Tổ Quốc chúng ta sẽ tươi đẹp hơn khi

bóng ma Cộng Sản không còn trên quê hương.

Trần Thị Nguyệt Mai

7/7/2016

[1] Theo <https://vi.wikipedia.org/>

[2] Trang 44 – DH 107

[3] Trang 100 – DH 107

[4] Trang 107 – DH 107

[5] *Thiên Thu*, thơ Nguyễn Tất Nhiên.

NGƯỜI LÍNH GIẢ CHỈ MỜ ĐI

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

1

Trong ánh sáng dịu dịu của ngọn đèn chong nhỏ, tôi thấy Ba ngồi như một cái bóng mờ. Tôi rón rén đến gần. Ba nhìn lui. Tôi hỏi nhỏ:

“Sao Ba không mở đèn sáng lên hử Ba?”

“Ba xong rồi.”

Tôi đặt tách trà gừng lên bàn, liếc nhìn màn hình computer. Chỉ có tấm ảnh gia đình, Ba thường cho nó “hiện lên” sau khi đã làm xong việc. Tôi hơi mỉm cười, mừng vì Ba có thể nghỉ ngơi sớm.

Tôi kéo một chiếc ghế lại để ngồi gần Ba. Ba hỏi:

“Hôm nay chuyến đi của con thế nào?”

“Dạ vui, mà cũng buồn Ba à!”

“Kê Ba nghe.”

“Chỗ nursing home này vui vì có nhiều người Việt. Họ cùng ca hát với mình vì những bài hát khá quen thuộc với họ. Mà buồn vì cũng có nhiều người không thể thưởng thức, không thể hòa mình được. Họ ngồi ủ rũ, lờ đờ.”

“Tội nghiệp! Nhưng chắc là họ có nghe, có nhận được hử con?”

“Dạ con tin là thế. Bởi vậy con thấy buồn. Nhiều người là cựu quân nhân Ba à!”

Dù đèn mờ, tôi vẫn thấy được Ba nhú mày. Ba thở dài nhẹ nhẹ.

“Ba ơi, nếu có thể quay ngược lại như một cuốn phim, con tưởng tượng những người đó sẽ đứng lên, vui cười, đàn hát. Họ trở lại thời tuổi trẻ...”

Ba gật đầu:

“Phải, nếu có thể...”

Tôi chợt nhìn Ba thật kỹ. Ôi, nếu tôi có phép thần thông làm thời gian quay ngược lại, tôi sẽ thấy Ba của thời trai trẻ. Ba đang ở trong trường lớp. Ba đang ở trong quân trường. Ba đang ở ngoài mặt trận giữa ba quân. Sinh động quá, Ba của



tôi! Nhưng đó cũng chỉ là những điều tôi tưởng tượng ra mà thôi! Vì tôi đâu có thấy Ba những lúc

như vậy ngoài đời thật. Tôi chỉ biết “Ba lúc trẻ” qua những tấm ảnh còn lưu lại, cất trong quyển album gia đình với những trang giấy bọc plastic đã cũ vàng. Tôi còn quá nhỏ lúc đi theo Mẹ vào thăm Ba ở nơi gọi là “trại cải tạo.” Lúc đó, Ba trông rất gầy gò cần cỗi mặc dù tuổi còn khá trẻ. Tôi là đứa con gái út, ba tuổi, được Mẹ bế trên tay khi đi vào trại. Lóc ca lóc cóc đến lần thăm Ba sau cùng tôi đã là một cô bé mười lăm tuổi. Ba đi hết trại này đến trại khác, trong Nam ngoài Bắc. Khi Ba ra khỏi trại tù, mái tóc Ba đã bạc hơn một nửa. Ôi! Nếu tôi có thể quay ngược được thời gian để thấy Ba trẻ lại...

2

Ba chuyển hết những bài Ba viết cho tôi đọc để tôi sửa lỗi đánh máy nếu có. Đó là những trang quân sử. Ba nói khi còn đi học, Ba rất say mê môn Sử. Trải qua thời gian sống trong quân đội, Ba càng nặng lòng với môn này, lúc đó không còn là môn học bắt buộc nữa, mà trở thành một niềm đam mê. Bây giờ, hằng ngày, hằng đêm, Ba miệt mài viết. Trước là viết, sau là “gõ”. Ban đầu các con phụ “gõ” cho Ba, sau Ba tập dùng computer và tự mình gõ. Bây giờ chúng tôi “gõ”

không lại Ba đâu! Ba nói chiếc máy computer đã giúp con người được tự do. Ba tra cứu tài liệu, kết hợp với kinh nghiệm chiến trường của Ba, ghi lại những dòng, những trang khiến chúng tôi say sưa đọc. Không chỉ là những sự kiện, mà còn có trong đó mồ hôi, nước mắt, máu và thịt xương.

Công việc của Ba là một công việc lâu dài. Chưa biết lúc nào Ba sẽ dừng. Ba thông thả ngồi trước máy, gõ chăm chỉ. Có khi chúng tôi đưa Ba đi thư viện để Ba xem sách, tìm kiếm tài liệu cho đúng ý. Từ ngày Ba bị té sái khớp bàn chân, chúng tôi không cho Ba lái xe nữa.

Có khi tôi bắt gặp Ba ngồi trước ảnh của Mẹ, nói lắm bầm những gì tôi nghe không rõ. Đôi lúc Ba mỉm cười thú vị, nhưng cũng có khi Ba lau nước mắt. Ba sống với kỷ niệm vui buồn. Ba xem như Mẹ còn sống bên Ba. Nhưng Ba lại cũng rất thực tế, đúng vậy. Ba giúp các con các cháu khi chúng cần đến Ba. Ba không phàn nàn, không trách móc, không đòi hỏi. Ba nói Ba rất may mắn vì Ba vẫn còn hữu dụng. Ba nói khi nào Ba yếu quá rồi thì các con đưa Ba vào viện dưỡng lão, vào “nursing home”. Nhưng anh em chúng tôi không chịu. Chúng tôi dư sức chăm sóc Ba mà! Tôi là con gái út chưa muốn lập gia đình, tự nguyện chăm sóc Ba. Anh chị tôi chia nhau ngày nào cũng có người đến thăm, khi Ba bệnh thì ở lại đêm để phụ tôi lo cho Ba. Chuyện đơn giản như thế.

3

Sau giờ làm, tôi đưa Ba đến viếng đám tang một người bạn của Ba. Bác ấy mất trong viện dưỡng lão. Thời gian gần đây Ba vẫn có những cuộc “viếng thăm” như vậy. Ba đứng rất lâu trước quan tài người bạn, Ba nói như thì thầm với người nằm trong đó. Khi ra về, ngồi vào xe, thấy tôi có vẻ ái ngại, Ba nói:

“Ba không sao đâu, con gái!”

Tôi nắm chặt bàn tay Ba, an ủi:

“Ba, con biết Ba rất buồn.”

“Phải, Ba rất buồn vì mất một người bạn. Nhưng Ba rất vui vì Ba đã có được một người bạn quý như vậy.”

“Ba!”

“Con biết không, bác ấy là một người “chiến sĩ” đúng nghĩa của nó. Tuy là một vị chỉ huy, nhưng bác ấy sống gần gũi với anh em trong đơn vị, sống đúng với nghĩa “chia ngọt sẻ bùi” con ạ. Khi bác ấy qua bên này, bác ấy đi làm cực khổ nhưng vẫn gom góp gửi tiền về giúp các anh thương binh nghèo khổ trong nước. Bác ấy thương yêu đồng đội, thương lính như thế đó!”

Tôi vui lây với lời kể của Ba, tôi nhắc:

“Ba, Ba cũng thương đồng đội, thương lính vậy. Ba chẳng đã nói rằng Ba còn vô số mảnh nhỏ trong người chưa gắp ra hết, vì Ba che cho lính khi trái mìn nổ.”

Ba cười:

“Ừ, Ba không chết là may!”

Hai cha con về đến nhà. Ba lại ngồi vào bàn viết. Thế mà tôi vẫn cứ lo Ba ử dột, buồn phiền. Nhìn Ba ngồi gõ bài, bỗng tôi có cảm tưởng Ba đang chạy đua với thời gian. Đùng, Ba oi! Con muốn Ba sống lâu với con!

4

Tôi lại đưa Ba đến một nơi. Là bệnh viện. Ba đến thăm một thuộc cấp của Ba ngày xưa. Chú ấy vừa qua một cuộc giải phẫu. Dù còn mệt mỏi, chú ấy tỏ vẻ rất vui khi thấy Ba. Ba hỏi:

“Chú ra sao?”

“Dạ thưa Niên trưởng, đàn em... còn sống ạ!

Ba phì cười:

“Tốt!”

“Niên trưởng coi, còn cái chân để cà nhắc qua ngày mà ông bác sĩ cũng lây luôn. Thiệt khổ ghê!”

Tôi nghe quận thất cả ruột. Nhưng hai người anh em kia vẫn trêu nhau vui vẻ. Nước mắt tôi chực trào ra. Chú ấy đã bỏ lại một chân trên chiến trường. Sau này gia đình bảo lãnh chú qua Mỹ sống cũng tạm yên. Cái chân còn lại, do chú bị bệnh

tiểu đường, bị hoại tử phải cắt bỏ. Từ nay chú sẽ có thêm một người bạn đồng hành là chiếc xe lăn.

Người vợ mang cháo đến, đút cho chú ăn. Chú còn trêu vợ:

“Anh còn tay mà em!”

Rồi quay sang Ba, chú nói:

“Em còn may mắn quá phải không Niên trường?”

Ba gật đầu cười. Tôi thấy trong mắt Ba dâng lên một niềm xúc cảm.

5

“Con lại đi với Ba chứ?”

“Dạ có, Ba! Anh chị và các cháu cũng đi nữa.”

Lần này là ngày Chủ nhật. Tôi đưa Ba đến nhà sinh hoạt cộng đồng. Đây không những là nơi có những hoạt động tương thân tương trợ mà còn là nơi tổ chức những sinh hoạt văn hóa lịch sử để cho lớp trẻ sinh trưởng trên đất Mỹ tìm hiểu về nguồn cội và không quên mình là người Việt. Theo từng thời điểm trong năm, nhà sinh hoạt tổ chức lễ giỗ các vị anh hùng dân tộc của Việt Nam. Ba cùng quý vị bô lão thấp hương trước bàn thờ Tổ Quốc. Rồi Ba chia sẻ một bài nói chuyện về Hòn Thiêng Sông Núi. Đó là một giá trị thiêng liêng vẫn luôn có trong lòng những người con dân nước Việt. Nhiều người trẻ sau đó đến gặp Ba để nghe Ba khuyên bảo, tâm tình.

Và cũng như mọi lần, khi về đến nhà, Ba lại ngồi vào bàn viết. Ba gõ thư thăm các bạn của Ba ở xa. Tôi mang đến cho Ba một tách cà phê theo yêu cầu. Ba muốn được tinh tảo để viết nốt chương sách về những ngày khói lửa mà Ba có mặt trong đó. Tôi sợ Ba mệt. Nhưng không, Ba gõ một hơi không nghỉ. Rồi sau đó, Ba kêu tôi lại, bảo tôi ngồi gần bên, nghe Ba nói.

“Tướng Mac Arthur dẫn một câu trong bản ballad nước Anh, một bản “nhạc lính”, khi ông đọc bài diễn văn tại Quốc hội Mỹ trước khi chấm dứt binh nghiệp. “Old soldiers never die, they just fade away.” Câu này nhiều người đã trích lại, đã là nguồn cảm hứng để làm thơ, đặt nhạc. Có người thấy câu nói

này đầy tính tích cực, tôn vinh người lính. Nhưng cũng có người cho rằng người lính khi về già thật là buồn, như một cái bóng mờ nhạt.

“Những người lính Việt Nam Cộng Hòa ở thế hệ của Ba, cùng chiến tuyến của Ba, có một thân phận rất đặc biệt. Họ đã từng có và rồi như đã mất đi. Họ mất quê hương. Và có khi họ không còn nhìn ra chính mình. Có khi họ nghĩ rằng thà chết đi trên chiến trường lửa đạn khi họ còn là người lính trẻ mà hay. Còn những người lính già, khi sống cuộc đời lưu vong hay ở lại trong nước, họ có những nỗi buồn riêng. Ba có cái nhìn của Ba. Ba nghĩ xa hơn cái thân phận của mình. Ba tin rằng Thượng Đế đặt cho mỗi người một nhiệm vụ, và cho họ ánh sáng để nhìn thấy nhiệm vụ đó. Ba đã chiến đấu với chính mình để thoát ra khỏi sự dằn vặt đến quần quai sau chiến tranh, tình xót xa đối với chiến hữu, lòng thương nhớ quê hương mà mình đã phải bỏ lại mà đi.”

“Con hiểu Ba. Ba ơi, khi con thấy Ba hết lòng gắn bó với thế hệ trẻ, thương yêu bạn bè đồng đội, con biết người lính già này rất đáng kính. Ba chọn đứng khiêm nhường như một vai phụ trên sân khấu, chỉ mờ đi, nhưng là một điểm tựa rất vững chắc cho chúng con. Con hãnh diện lắm Ba à!”

6

Hôm nay đẹp trời, nhưng Ba không đi đâu. Ba dành một buổi gọi điện thoại cho bạn bè. Xem ra Ba vui lắm. Tôi chỉ “được nghe lóm” những câu chuyện của Ba cũng đủ thấy vui theo rồi.

“Ông tướng, còn sống hờ? Ông có nghe lời tôi, scan hình gia đình lại chưa? Chưa được hả? Thì kêu “sắp nhỏ” nó giúp mình. Đời này con trẻ giỏi hơn người lớn rất nhiều. Mình đừng có tự ái, kêu nó bày cho. Ông mà làm ra cái album gia đình, chắc chắn ông sẽ vui lắm, mà con cháu sẽ phục ông sát đất. Chúng nó sẽ có tài liệu quý giá về gia đình, không phải ai cũng làm được đâu!”

“Ông bạn già, khỏe không? Sao, quyển hồi ký của ông viết đến đâu? Quên cái gì, bảo tôi. Tôi quên cái gì, sẽ tìm trong

tài liệu vậy. Trí nhớ của mình bây giờ nhiều khi không như mình muốn. Nhưng lớp già như bọn mình, viết hồi ký để lại cho con cháu đọc để biết cái đời của mình ra sao, là điều đáng làm, và cũng là để “tập thể dục” cho trí óc của mình nữa. Tôi biết tính ông, thích cái gì trung thực. Viết hồi ký là phải trung thực. Chính vì thế mà tôi rất quý ông đây, ông bạn!”

“Em, sao rồi? Vết thương cũ lại hành hử? Anh cũng vậy thôi, trời động là nhức lắm. Biết sao hơn bây giờ? Không ai gánh cái đau giùm cho ai được. Thôi mình chấp nhận em à! Đồng hành với cái đau. Vợ con em khỏe không? Mấy cháu chắc ra trường hết rồi? Các cháu có việc làm chưa?”

“Em, khỏe không? Gia đình thế nào? Bên nhà trời mưa nhiều không? Ngõ vô nhà em chắc ngập hết? Cần gì em cứ nói cho anh biết, đừng ngại. Anh giúp được gì sẽ ráng giúp. Em đừng buồn. Dù cho chế độ đó có ruồng rẫy anh em, nhưng lòng dân vẫn thương quý và biết ơn anh em.”

Tôi vào bếp nấu nướng một lát, quay lại thấy Ba còn chuyện trò trên điện thoại. Ba đi qua đi lại, như một ông thầy giáo đang say sưa giảng bài. Tôi lại được “nghe lóm”:

“Chú à, đến ngày Trời kêu mình đi, thì mình đi thôi. Gánh đời buông xuống. Cốt sao mình sống cho vui vẻ. Vui với gia đình, con cháu nếu có. Vào nursing home cũng chấp nhận. Cũng có những người như con gái tôi vào giúp cho mình, an ủi, ca hát với mình. Ai rồi cũng sẽ ra đi, mình cũng như bao người, không có gì lạ. Chỉ có một điều khác: đó là mình đã từng là người lính. Tôi hãnh diện về điều đó. Tôi không oán hận, mà tin tưởng vào tương lai...”

Ba quay lại, nói với tôi:

“Là chú hôm trước mình vào thăm trong bệnh viện đó con. Sức khỏe khá lên rồi. Mới khoe với Ba là chú ấy đã cầm điện thoại lên, “on air” trên cái đài của chú ấy, đài nói tiếng Việt. “Chị” thật!”

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

NHIỀU HOA TRONG CÂY NHÀ LÁ VƯỜN



Tealan Minh Tuyết

Từ Sài Gòn Nhỏ (Little Saigon) tôi trở về nhà ở Florida tới nay được hơn một tuần rồi, mà con mọt nó vẫn còn bám theo trong khi cuộc vui hội ngộ như vẫn còn quán quít đâu đây. Thiệt là kỳ, đang lúc mình vui chơi cái mọt và buồn ngủ nó chạy đi đâu mất tiêu, khi máy bay bắt đầu chuyển bánh rời Cali. là thấy tụi nó bắt đầu kéo đến làm hai mí mắt tôi nặng trĩu, rồi, nằm lăn ra ngủ như...chết.

Được biết chỉ còn một số báo Đa Hiệu nữa là hết nhiệm kỳ làm Chủ Bút của anh Nguyễn Phán. Mà mấy lần gượng ngồi dậy chỉ gõ vài dòng rồi để đó, ngủ cái đã. Nhưng tôi tự hứa, với cái tình chúng tôi mến mộ anh ấy, mình nhất định phải có bài gởi lên Đa Hiệu một lần nữa mới được.

Mỗi lần tôi trở lại thăm Nam California vùng nắng ấm là lòng tôi nôn nao háo hức như thể mình đang trở về với quê hương (dùng chữ cho có vẻ thơ văn một chút, chớ gần 37 năm rồi mà chúng tôi có về VN lần nào đâu).

Thời tiết ở Nam Cali. trong mấy ngày này thật đẹp. Hình như xuân chưa chịu rời vì còn đợi chờ hè đang đủng đỉnh đi tới. Tôi yêu khí hậu ôn hòa ở nơi này dịu dàng như Đà Lạt, cây

cởi dễ trông, có bằng hữu đông vui, nhất là có cùng một mẫu số chung đó là tình người cùng một quê hương. Tôi không mơ Cali. như là mơ thiên đường, nhưng tôi vẫn mơ Cali. như một điểm hẹn.

Kỳ Đại Hội của Võ Bị lần thứ 20 này cho chúng tôi có dịp gặp lại các bạn bè xưa mà có nhiều bạn hơn 40 năm chưa gặp lại, các anh chị gặp nhau tay bắt mặt mừng, cùng ôn lại một thời ở trường, kể cho nhau nghe một phần lịch sử của đời nhau, một đoạn đời đã đi qua và rồi để cùng chúc sức khỏe nhau trước giờ chia tay.

Vài năm trước đây, mỗi lần đi dự Đại Hội anh xã tôi đều thì thầm nhắc nhở, nếu có đi tham dự Đại Hội Võ Bị thì không thể nào thiếu sót đêm Lễ Truy Diệu Truyền Thống và buổi Lễ Chào Cờ của trường anh tổ chức là nhất đó em. Nếu đã tham dự một lần rồi thì sau đó không thể nào bỏ qua được hai buổi lễ này trong lần tổ chức tới. Đúng như anh nói, từ đó về sau mỗi lần có dịp dự Đại Hội Võ Bị là chúng tôi luôn có mặt trong hai buổi lễ truyền thống này. Cũng như những lần Đại Hội trước, hai buổi lễ này diễn tiến thật tốt đẹp, đúng bài bản.



Kết thúc kỳ Đại Hội là đêm dạ tiệc liên quan, ban tổ chức đã hoàn hảo cho 700 người tham dự. Chương trình ca nhạc không quá dài lê thê khiến khán giả không chán nản bỏ về

trước. Đã được tuyển chọn kỹ càng trước cho nên mỗi tiết mục đều đặc sắc và thích hợp với chương trình có chủ đề Nhạc Đâu Tranh. Cả người diễn và người xem đều rất hài lòng.



Riêng cá nhân của chúng tôi có gần gũi và quen biết trước nên để ý nhiều hơn, nhận xét nhiều hơn về hai tiết mục của các anh chị của HVB từ

Sacramento có trình diễn trong buổi tối hôm này.

Cách đây khoảng thời gian không lâu, trong một chuyến du lịch xa, tôi có duyên được gặp gỡ quen biết với các anh các chị từ Bắc Cali. Mấy ngày gần gũi trên du thuyền, mới biết tất cả các anh chị này trong Hội Võ Bì Sacramento. Mặc dù đang đi chơi, nhưng cũng có nhiều lúc các anh chị họp lại đưa lên từng ý kiến cá nhân, phê bình xây dựng lẫn nhau và tập dượt ca vũ cùng nhau. Thấy vài điểm hay của các anh chị trong hội đã khiến tôi chú ý và tìm hiểu.

Ban nhạc của HVB Sacramento được thành lập từ nhiều năm qua, hội gồm đủ các khóa hiện cư ngụ vùng Sacramento. Có rất nhiều chị là vợ các anh trong đủ các binh chủng. Tôi ví các chị như những loài hoa đầy màu sắc trong khu vườn Võ Bì.

Chị Kim, phu nhân của anh Cao Văn Hải K25 phụ trách phần văn nghệ, tôi cảm mến chị Kim khi nghe chị nói “tôi rất là chống cộng”, chỉ câu nói ngắn đó của một phụ nữ có tinh thần quốc gia, thấy được những gì chị làm bao nhiêu năm

này cũng đủ làm tôi nể phục. Có lẽ vì ở “vùng Cà Mau” của nước Mỹ của chúng tôi không có ban nhạc nào của Võ Bị, nên HVB Sacramento có thêm anh chị Huỳnh Ngọc Vang K25 từ “miệt vườn” của chúng tôi cũng ở trong Hội này.

HVB Sacramento tham gia tất cả những sinh hoạt của tập thể chiến sĩ VNCH Sacramento, của cộng đồng người Việt ở đây và vùng phụ cận đã nhiều năm. Hội Võ Bị Sacramento được thành công và có tiếng vang nhờ vào sự đoàn kết của các anh chị. Luôn hiện diện trong các buổi biểu tình, đấu tranh để đòi hỏi có được dân chủ, nhân quyền cho Việt Nam. Hát nhạc đấu tranh và quê hương luôn là chủ đề cho văn nghệ của Hội. Trong chương trình văn nghệ đêm nay, tôi được gặp lại các anh chị có trong buổi diễn. Ban nhạc của HVB Sacramento trình diễn bản Em Nhớ Màu Cờ, nhạc của chị Nguyệt Ánh, và Tôi Sẽ Về nhạc của Thu Lai K28, hai người nhạc sĩ này chỉ sáng tác nhạc bi hùng của thời VNCH.

Các anh Võ Bị trong bộ Jaspé hát cùng các chị mặc áo dài vàng đồng phục trong lúc các chị khác trong điệu vũ với những lá cờ vàng tràn ngập trên sân khấu.

“...em nhớ màu cờ ngày nào phủ xác thân anh...em nhớ ngày nào ngọn cờ vàng ba sọc đỏ tung bay, bay khắp miền Nam, trên đồi cao, trên phố xá thôn làng...ôi em căm thù, ôi em căm thù lũ cộng hung tàn, ai nhớ màu cờ, ai thương dân lành về diệt lũ xâm lăng... thương quá Sài Gòn thương vạn người mang một kiếp ly hương... Xin nhắn mọi người hãy vì đời vì tổ quốc giang sơn, nuôi chí phục thù mang cờ vàng về dựng giữa quê hương...”

Những điệu vũ đẹp, lời ca dịu dàng, tiếng hát thiết tha dễ bắt tai người nghe, nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ. Có người ly hương nào có tinh thần quốc gia mà không khỏi chạnh lòng khi nói đến tình người cùng quê.

Cũng như những lần trình diễn trước, ban nhạc của HVB Sacramento trong đêm nay lại thêm một lần nữa gợi thông điệp đến với dân tộc và quê hương. *Tôi sẽ về...dù thời gian có nhạt màu thương nhớ... Ngày sẽ đến dân ta về trong tiếng hát...Tôi sẽ về thăm lại nén hương yêu...*

TÂM BỨT TRÀ KIỆU

Trần Trung Đạo

Làng Phật Giáo Mã Châu, nơi tôi sinh ra, cách làng Công Giáo Trà Kiệu, nơi Th., bạn tôi, sinh ra, khoảng mười cây số và một con sông. Trong làng tôi, ngoài trừ gia đình người chú họ, sau khi đi làm ăn xa trở về làng cũ, trong hành trang của chú còn có thêm một cây Thánh Giá và bức hình Đức Mẹ, tất cả bà con còn lại đều là Phật Tử. Đoạn đường từ trạm Nam Phước lên đến quận Duy Xuyên chỉ dài hơn năm cây số nhưng đã có đến bốn ngôi chùa. Các ngôi chùa làng rất nhỏ, mái ngói cong, thường xây cạnh những cây đa già. Tuổi thơ tôi lớn lên trong một môi trường Phật Giáo và dưới bóng mát của hồn quê hương đơn sơ chất phát đó.

Phần lớn bạn học các lớp trung học đệ nhất cấp ở trường quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, trong đó có cả Th., và Diệp đều là người Trà Kiệu. Ba của Diệp lái xe Lam ba bánh. Cuối tuần tôi thường ra Chợ Quận đứng chờ xe của bác đi ngang là tôi đi theo lên Trà Kiệu chơi với đám bạn. Từ Mã Châu đi Trà Kiệu không xa nhưng phải qua Cầu Chìm, một chiếc cầu nhỏ bắc ngang một trong những nhánh sông Thu Bồn chảy về hướng Cửa Đại. Vì được xây quá gần với mặt nước nên mỗi khi trời mưa lớn là xảy ra cảnh nước chảy qua cầu. Đám học sinh bên kia sông buổi sáng đi bộ đến trường nhưng buổi chiều nhiều khi phải đi đò về nhà. Bên chân cầu là một chiếc lô-cốt bằng xi-măng, tàn tích của chế độ Thực Dân còn để lại và cũng là một nhắc nhở của vết thương hằn sâu trên da thịt quê hương tôi, làm nhức nhối bao nhiêu thế hệ đã qua và còn mung mù cho đến bây giờ.

Trà Kiệu, với diện tích khoảng một cây số vuông, đẹp một cách hùng vĩ và linh thiêng. Phía Tây Trà Kiệu là rặng núi Kim Sơn chạy dài, hút sâu vào dải Trường Sơn trùng điệp. Phía Nam là di tích thành lũy và hoàng cung của một thời

vàng son trong lịch sử Chiêm Thành. Theo sử sách ghi lại, đồng bào Công Giáo Trà Kiệu phần lớn từ miền Bắc di cư vào miền Trung, bắt đầu là người ở Kê Chợ Hà Đông vào khoảng năm 1684. Họ sống tập trung nhau để dễ bề giữ đạo và giúp đỡ cho nhau. Trong tôi vẫn còn in lại hình ảnh những bậc tam cấp bằng đá của nhà thờ Trà Kiệu, nơi chúng tôi đã ngồi trong những buổi chiều vàng nhìn xuống xóm nhà của các bạn tôi, được dựng bên những thửa ruộng xanh bao vòng quanh chân núi.

Thế nhưng, không phải ai ở quê tôi cũng đối xử với nhau một cách tự nhiên, hồn nhiên và hòa đồng như tôi và đám bạn Trà Kiệu của tôi. Không ít người dân Quảng, vốn rất tự hào về truyền thống cách mạng, chống Thực Dân Pháp, nơi Địa Linh Nhân Kiệt, đất của Ngũ Phụng Tề Phi, thường nghĩ về Trà Kiệu như là một làng Công Giáo biệt lập. Càng tự hào với truyền thống chống Thực Dân bao nhiêu thì họ lại càng dễ có thái độ khắt khe, xa cách với đồng bào Trà Kiệu bấy nhiêu. Với những người mang nặng định kiến, hẹp hòi và bảo thủ, đồng bào Trà Kiệu, dù sống trên cùng một quê hương nhưng không cùng chung nhau trọn vẹn một chiều dài lịch sử. Sự xa cách đó không phải tự nhiên mà có, cũng không phải chỉ đơn giản là sự cách biệt lương giáo chung chung mà thôi, nhưng những chia rẽ giữa những người đã chôn khúc nhau trên cùng mảnh đất, bắt đầu bằng máu, đổ xuống trong đêm 1 tháng 9 năm 1885 và chảy dài suốt thời kỳ thực dân đầy thù hận, khổ đau, tang tóc.

Đêm đó nghĩa quân thuộc phong trào Văn Thân tỉnh Quảng Nam với khẩu hiệu Bình Tây Sát Tả đã mở liên tục các cuộc tấn công vào làng Công Giáo Trà Kiệu lúc bấy giờ đặt dưới sự lãnh đạo tinh thần của Linh Mục Bruyere, được gọi bằng tiếng Việt là Cố Nhơn, thuộc Hội Thừa Sai Pháp. Trong làng thời đó chỉ có khoảng 370 thanh niên có thể chiến đấu với vốn vẹn 5 khẩu súng. Họ phải tự rèn gươm giáo, đúc súng đạn, dành dụm từng chút lương khô trong cuộc chiến tranh tự vệ khó khăn và quyết liệt. Sau lưng là núi, trước mặt là con đường độc nhất dẫn ra tỉnh đã bị bao vây. Họ không có

đường lui và cũng không còn đường tiến. Cuộc chiến đấu của họ mang trọn vẹn ý nghĩa của "tự do tôn giáo hay là chết".

Sau 21 ngày tấn công và chống đỡ đẫm máu giữa người



Quảng và người Quảng, giữa người Việt và người Việt, giữa những tín đồ Thiên Chúa Giáo và các đơn vị Văn Thân Bình Tây Sát Tả, đã

gây ra rất nhiều thiệt hại, mất mát cho cả hai bên. Máu người dân Quảng đã chảy trên đồi Bửu Châu thiêng liêng, xương người dân Quảng đã phơi trên cỏ đô Chiêm Thành huyền bí.

Cuối tháng 9 năm 1885, sau gần một tháng tấn công không thành công, các đơn vị Văn Thân rút lui. Đồng bào Công Giáo Trà Kiệu tin rằng Đức Mẹ đã hiện ra trong những đêm 10 và 11 tháng 9 năm 1885 để che chở cho con cái của Mẹ và giúp đẩy lui quân đội của cả một phong trào Văn Thân rộng lớn của tỉnh Quảng Nam đông gấp trăm lần. Từ đó, hằng năm vào ngày 31 tháng 5, ngày cuối của tháng Hoa, người dân Công Giáo Trà Kiệu tổ chức lễ cung nghinh Đức Mẹ để ghi ơn Mẹ đã cứu giúp Trà Kiệu thoát khỏi bị tận diệt.

Trong cái nhìn của riêng tôi, đồng bào Trà Kiệu thời bấy giờ không có một chọn lựa nào khác. Họ đã phải chiến đấu trong một hoàn cảnh tự vệ, không những để bảo vệ niềm tin Thiên Chúa mà còn vì mạng sống của chính họ và gia đình họ. Nhiều trong số họ đã ngã xuống cho niềm tin mà họ tôn thờ. Nếu họ thua, có thể làng Công Giáo Trà Kiệu không còn hiện diện trên bản đồ như ngày nay nữa. Niềm tin đã giúp Trà Kiệu đứng vững. Ngày 31 tháng 5, trong bình diện tôn giáo, vì thế, phải được hiểu như là ngày của Niềm Tin hơn là

một chiến thắng quân sự chống lại Văn Thân. Niềm tin tôn giáo đó vô cùng cao cả và trong sáng. Đồng bào xứ Quảng thời đó đã sống có niềm tin và đã chết vì niềm tin. Những hy sinh của họ xứng đáng được kính trọng và phải được nhìn từ khía cạnh thuần túy tâm linh.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc ít may mắn. Rất hiếm hoi trong mấy ngàn năm lịch sử, dân tộc ta có được một thời bình yên và ổn định đủ dài để xây dựng đất nước hay ít ra đủ kết hợp một tiềm năng, như trường hợp Nhật Bản, đủ sức chống chọi với các áp lực từ bên ngoài. Sau suốt cả ngàn năm Bắc thuộc là Trịnh Nguyễn phân tranh. Khi cuộc nội chiến vừa yên thì các chiến hạm Pháp cũng vừa thả neo dòm ngó ngoài cửa biển. Nói ra có vẻ cái lương, nhưng quả thật dân tộc Việt Nam đúng là một dân tộc đã trưởng thành trong khói lửa.

Tôn giáo tại Việt Nam đã chia xẻ trọn vẹn những bất hạnh chung của dân tộc. Phần lớn các tôn giáo lớn được truyền vào Việt Nam cùng lúc với những biến động lịch sử lớn của đất nước. Theo các quy luật kinh tế đã được các nhà kinh tế thuộc mọi trường phái thừa nhận, chủ nghĩa thực dân là một bệnh chứng tất yếu trong quá trình tiến hóa của nhân loại. Với hệ thống giáo dục lỗi thời và chính sách đối ngoại vô cùng thiếu ngon ngoan của triều đình nhà Nguyễn cộng với các kỹ thuật chiến tranh cách biệt quá xa về kỹ thuật giữa tây phương và các quốc gia khu vực Nam Á thời bấy giờ, dù có hay không có sự xuất hiện của Thiên Chúa Giáo tại Việt Nam trong giai đoạn đó thì nước ta vẫn mất, nhà ta vẫn tan.

Chi tiếc là chúng ta không có những ông vua sáng suốt như Minh Trị Thiên Hoàng (1852-1912) biết nhìn xa hiểu rộng, kịp thời canh tân đất nước. Chúng ta cũng không có được những ông vua như Rama IV (1851-1868) của Thái đủ khôn ngoan để thấy được xu thế chính trị kinh tế của thời đại, ngõ hầu dung hòa các ngoại lực. Thay vào đó, các vua nhà Nguyễn đã theo đuổi chính sách bế môn tỏa cảng để rồi cuối cùng dẫn đến mất nước. Tiếng súng của Đô Đốc Perry đã đánh thức nước Nhật nhưng tiếng đại bác của viên sĩ quan

Pháp, Le Lieur, bắn vào Đà Nẵng năm 1856 không lay tỉnh một triều đại ngủ quên trong cái học từ chương, thi phú cung đình. Những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Đức Hậu, Nguyễn Điều ... chỉ là vài giọt nước tan loãng vào biển hủ nho phong kiến. Tương tự, những lời can gián cương trực của hai danh sĩ Quảng Nam, Phó Sứ Phạm Phú Thứ và Binh Bộ Thượng Thư Lê Đĩnh, chẳng đủ công hiệu để giết hết được loại vi trùng định kiến, hoài nghi, bảo thủ, lo sợ mất quyền, mất nước truyền trong máu từ bao đời trước.

Thế nhưng, nói như thế, cũng không có nghĩa, tôi đang trách tổ tiên ông bà chúng ta trong phong trào Văn Thân, Cần Vương kháng Pháp. Thảm cảnh, trong đó hàng vạn người Việt Nam được trang bị bằng dao mác, tầm vông, đã gục xuống như rơm rạ trước nòng đại bác thực dân, đã làm sục sôi máu hờn căm của những người dân Việt đang đau vì vận nước. Ông bà chúng ta thời đó, ngoài giặc Pháp, chẳng còn một nơi nào hay một ai để trút lòng phẫn uất, lửa căm thù của họ, khác hơn là các giáo sĩ tây phương và những người theo đạo từ tây phương truyền đến. Và để nghĩ cho cùng, chúng ta cũng không thể trách các vua nhà Nguyễn đã bê quan trong bốn bức tường thành. Làm sao các vị đó hiểu được những gì đang xảy ra trên thế giới và cho vận nước khi cả đời vui mãi trong tứ thư ngũ kinh. Làm sao các vị đó có được chọn lựa sáng suốt hơn khi mang trong người dòng máu sợ người ngoài như sợ thú dữ, được truyền lại từ suốt gần một ngàn năm lệ thuộc bắc phương.

Trở lại với Trà Kiệu, đồng bào Công Giáo Trà Kiệu, thời bây giờ, dù đã bị bạc đãi, dù chịu đựng trần áp nhưng đã không vì thế mà bỏ rơi đất nước. Các tín đồ Thiên Chúa Giáo Quảng Nam đã không nghe lời Giám Mục Pellerin làm nội gián cho quân của tướng Rigault De Genouilly khi viên tướng này đem quân đánh Đà Nẵng vào ngày 1 tháng 9 năm 1857. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Phạm Văn Sơn: "*Viên Trung Tướng này [Rigault De Genouilly] còn thất vọng thêm ở chỗ không thấy có giáo dân nổi lên hưởng ứng nên đã kỳ kèo giám mục Pellerin vì trước đây giám mục đã*

đoan quyết như vậy. Lúc này giám mục cũng theo quân đội (Pháp) và có mặt trên chiếc tàu Némésic. Giám mục vừa xấu hổ vừa tức giận nên bỏ về ở nhà tu Pinang tại Mã Lai".

Hẳn nhiên không phải ở đâu cũng có những người Việt Nam như thế, không phải nơi nào dân tộc ta cũng may mắn có được những người con biết làm ngơ trước vinh hoa để bảo vệ sự sống còn lâu dài của dân tộc như thế. Trong suốt 40 năm chiến đấu trong gian nan tuyệt vọng để ngăn chặn bước chân của thực dân Pháp (1847-1887), bao nhiêu mẫu chuyện đầy bẽ bàng chua xót, bao nhiêu việc làm đáng trách của một số người Việt còn ghi lại trong sử sách.

Nhắc lại những điều đáng ca ngợi hay nêu lên đôi điều đáng trách đó, tôi không có ý định đào sâu những vết thương đã một thời lở lói trong lòng dân tộc. Nhưng để chúng ta cùng nhìn về quá khứ một cách khách quan, chân thành, bao dung và trân trọng, để từ đó biết tránh xa những ổ gà, những hầm hố, những vết xe đổ, trên đường đi tới một tương lai tươi sáng cho đời sau. Không ai muốn giết nhau. Không ai muốn tàn sát nhau. Định mệnh lịch sử đã bẫy dân tộc ta vào một căn hầm không lối thoát, trong đó, các thành phần dân tộc vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng, vừa là đồng lõa và nhiều khi cũng vừa là tội phạm. Đọc lại lịch sử Việt Nam các thế kỷ 17, 18 để thấy ông bà chúng ta đáng thương và tội nghiệp biết bao nhiêu. Cả dân tộc, thời bấy giờ, như một bầy cừ non, không hề chuẩn bị, trước nanh vuốt của Thực Dân Pháp.

Tôi chỉ mong có một ngày những người dân Quảng sẽ cùng về lại Trà Kiệu, cùng nhau lau sạch những bậc đá trên đôi Bửu Châu như lau đi những vết thương hằn sâu nhiều thế kỷ. Tôi vẫn mơ có một ngày cùng nhau xây lại đình làng Ngũ Xã Hoàng Châu và các làng mạc chung quanh Trà Kiệu, nơi đã từng là bãi chiến trường, là biên giới của phân ly, hoài nghi, xa cách. Trà Kiệu, Mã Châu, Hà Mật, Thi Lai, Bảo An, Xuân Đài, Kỳ Lam, Giao Thủy, Đà Nẵng, Hội An....là những phần thân thể đáng yêu và bất khả phân ly của xứ Quảng. Tôi yêu Trà Kiệu như yêu chính ngôi làng Mã Châu nhỏ bé của tôi.

Chiều hôm qua, đọc bài viết công phu của linh mục Trần Quý Thiện về nhà thơ Công Giáo Hàn Mặc Tử, tôi xúc động và hãnh diện khi biết rằng mẹ của nhà thơ Hàn Mặc Tử, cụ bà Nguyễn Thị Duy, sinh năm 1881, là người Trà Kiệu. Thân phụ của tác giả *Đáy Thôn Vỹ Dạ* nổi tiếng, cụ Vinh Sơn Phaolô Phạm Toàn (1882-1926) vì chống Pháp phải thay đổi họ từ Phạm sang họ Nguyễn. Giọt sữa mẹ và hùng khí quê ngoại Quảng Nam đã góp phần tạo nên Hàn Mặc Tử, nhà thơ lớn của Việt Nam đầu thế kỷ 20.

Chúng ta không thể sửa lại quá khứ, chúng ta không thể làm lại lịch sử, chúng ta không thể xoay ngược bánh xe thời gian, chúng ta cũng không thể nào quên đi quá khứ, nhưng xin hứa với nhau, chúng ta sẽ không sống bằng quá khứ.

Chúng ta sẽ học những bài học đắng cay của cha ông chúng ta một cách nghiêm túc, chân thành và trân trọng. Nhưng không phải học để rồi khóc than thương tiếc, mà để từ đó xây dựng một Việt Nam thương yêu, đoàn kết trong tương lai, kính Chúa nếu là con cái Chúa, kính Phật nếu là đệ tử Phật, tương kính đạo của nhau giữa những người khác đạo, và biết vượt qua mọi khó khăn để gìn giữ căn nhà chung của mẹ Việt Nam.

Các tôn giáo sẽ mãi mãi là những dòng suối của tình thương, những dòng sông của bác ái, hòa vào mạch sống chung của dân tộc, đem lại dòng sinh khí cho quê hương vốn đã bao năm chìm đắm trong hận thù tang tóc. Các vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo trong Việt Nam tương lai sẽ là những cột kèo, mái vách gìn giữ cho căn nhà đạo đức Việt Nam mỗi ngày một thêm bền vững. Các ngài sẽ là những bậc thầy đáng kính dạy dỗ cho các thế hệ Việt Nam mai sau được lớn lên trong tình đồng bào ruột thịt, biết yêu thương nhau và che chở cho nhau.

Khoảng cách không phải một sớm một chiều mà xóa hết nhưng vẫn còn đó trong mỗi chúng ta chung một niềm hy vọng. Xin cầu nguyện.

Trần Trung Đạo

Lâu

Không

Gặp

Bạn



Phạm Kim Khôi / K19

*Những tao biên biệt những mày đầu
Lâu lắm rồi sao chẳng gặp nhau
Từ giã mái trường ai nấy nghiệp
Thăng trầm thế sự đổi thay mau*

*Từ khi quốc nạn đời muôn hướng
Góc biển chân trời thân nổi trôi
Đưa Mỹ châu buồn mơ cố xứ
Đưa Âu châu quạnh quẽ quê người*

*Cứ thế xa càng xa mãi thôi
Cho hay tương ngộ đến trường đời
Cũng mang theo sẵn mầm ly biệt
Những tao những nó những mày ơi*

*Chưa kể những thằng quay gót sớm
Đã về trong đất ngả lưng chơi
Chúng lo viết chuyện thiên thu đó
Tái ngộ rồi đây chẳng mấy hồi*

*Đâu những tao mày vẫn cách xa
Bốn phương mây trắng nhớ quê nhà
Không thăm nhau được chờ nhau nhé
Chúng nó đang nằm đợi chúng ta*

BẠN TÔI

Hôm nay, tôi có được một ngày nghỉ thì ngoài trời lại đổ mưa tầm tã. Tôi không đi đâu được, nên vào phòng đọc sách cho qua ngày. Sau khi đọc báo và tin tức xong, tôi lấy cuốn lưu niệm của khóa để xem lại hình ảnh xưa cùng các đồng môn trong trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Mở cuốn lưu niệm ra, tôi thấy ngay lá thư mà tôi đã cất giữ đã từ lâu lắm rồi.

Tôi còn nhớ rõ sáng hôm đó, tôi đã nhận được một phong bì thư không đề tên người gửi. Tôi mở phong bì, thì ra là thư của Dzũng gửi đến cho tôi. Dzũng là người bạn thân của tôi từ thưở nhỏ, lúc đó tôi lên năm và Dzũng lớn hơn tôi một tuổi. Hai gia đình chúng tôi ở cùng một xóm, nên chúng tôi gặp nhau hầu như thường xuyên. Đi học chúng tôi cũng rủ nhau đi bộ hoặc đạp xe đạp đến trường; cùng đánh bi đánh đáo, đá banh, tắm mưa, v.v. Tình bạn rất thắm thiết và hoà thuận. Dzũng không có anh chị em nên thường sang nhà tôi ăn cơm. Chị Ba, chị gái của tôi, rất thương Dzũng như em ruột. Thấm thoát đã mấy chục năm, nhìn lá thư cất giữ đã quá cũ và bạc màu theo thời gian. Nhớ đến người bạn cố tri, tôi từ từ mở lá thư ra đọc lại, mà không nhớ là mình đọc đã bao nhiêu lần rồi.

Kontum, ngày 19 tháng 6, năm 1972

Tuấn thân,

Tôi gửi lá thư này cho Tuấn mà hoang mang không biết có tới tay bạn không. Chúng mình mất liên lạc, tôi không biết bạn đang ở địa chỉ nào, nhưng vẫn hy vọng là bạn còn ở

xóm cũ. Bạn là người duy nhất mà tôi nghĩ đến trong giờ phút này. Có lẽ tôi sẽ viết thư rất dài, vì hơn bao giờ hết, tôi muốn tâm sự với bạn và kể lại thật nhiều về quá khứ của chúng mình, vì chỉ có bạn mới biết và hiểu tôi nhất về thời thơ ấu cho đến lúc trưởng thành. Tôi xin bạn hãy kiên nhẫn đọc thư của tôi cho đến hết nhé, vì không biết mình còn gặp lại nhau nữa không.

Nhớ lại chúng mình đã cùng học từ lớp mẫu giáo cho đến ngày vào Trung Học, luôn sát cánh bên nhau học bài, thi cử, buồn vui chia sẻ, và cuối cùng cũng vui vẻ mãn nguyện mà cầm được bằng cấp tú tài II trong tay. Khi chúng mình tới tuổi mộng mơ hò hẹn, thì lại gặp Lan, bạn của chị Ba. Lan còn nhỏ tuổi ngây thơ nên chúng mình đều thích Lan. Tôi còn nhớ bạn cứ khen Lan là một cô gái nhu mì, dễ thương với mái tóc dài óng mượt, dáng người mảnh khảnh. Tôi biết là bạn cũng như tôi yêu Lan, tuy nhiên Lan lại dành cảm tình đặc biệt cho tôi. Tôi cảm ơn bạn đã tự động rút lui để nhường cho tôi theo đuổi Lan. Nhờ bạn đã tận tình giúp mà không bao lâu Lan và tôi đã trở thành một cặp yêu đời và hạnh phúc nhất.

Đất nước mình đã trong thời kỳ chiến tranh nên cần những người trai yêu nước, dấn thân để bảo vệ quê hương. Có một kỷ niệm khó quên là lúc chúng mình rủ nhau từ giả bút nghiên, đệ đơn xin gia nhập vào Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Vì phải hội đủ nhiều điều kiện, nên cũng gay go lắm chúng mình mới được chọn vào làm Tân Khoá Sinh. Chúng mình đã vui mừng biết bao khi được chấp nhận, nhưng khi vào trường rồi thì lại ít có cơ hội để hàn huyên như xưa nữa. Nhớ lại thời gian đầu của 8 tuần sơ khởi, mình đã bị xác bác xang bang bởi những luật lệ của các “hung thần” hắc búa. Những bài huấn luyện trong quân trường đã khiến mình như từ, bò lê bò càng. Các sĩ quan huấn luyện cứ xoay chúng mình như chong chóng, nhiều khi toát cả mồ

hồi vì sợ hãi. Hồi đó tôi khỏe mạnh nên không sao, còn bạn, nhỏ con gầy yếu, luôn bị đau ốm bởi những bài tập vượt khổ công dầm mưa dãi nắng để chinh phục Đỉnh Lâm Viên. Nhưng chúng mình cũng nên tự hào là đã được rèn luyện trở thành một thanh niên cường tráng đầy nghị lực, một sinh viên sĩ quan văn võ song toàn. Chúng mình cần phải ghi ơn Trường Mẹ và các thầy đã đào tạo những sĩ quan ưu tú, luôn ghi nhớ câu TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY.

Tôi còn nhớ việc tôi lên bày hình của Lan trong phòng, rồi khi huấn luyện viên đến kiểm tra, tôi đã lãnh hình phạt nặng nề vì đã có lệnh cấm mà tôi không tuân lệnh. Mỗi lần nghỉ phép cuối tuần, bạn rủ tôi đi dạo phố thì tôi lại luôn từ chối vì muốn ở lại trường để viết thư cho Lan. Lúc đó nhờ không có tôi kỳ đà cản mũi, nên bạn đã có cơ hội vi vút, làm quen được các cô nữ sinh khả ái của miền cao nguyên Đà Lạt rồi còn gì. Nhớ lại kỷ niệm, lòng tôi bồi hồi nuối tiếc bạn xưa trường cũ, khung trời thơ mộng của Đà Lạt với đồi thông xanh, hoa anh đào, mimosa, và các tà áo dài bay tha thướt.

Thời gian thấm thoát trôi qua và chúng mình đã học hết bốn năm huấn luyện. Ngày mãn khóa tốt nghiệp, Lan đã lên Đà Lạt thăm chúng mình, và đã tham dự Lễ Truy Diệu Truyền Thống và Tuyên Thệ của Sinh Viên Sĩ Quan. Lan còn chụp hình kỷ niệm với chúng mình tại sân trường; bạn có còn giữ tấm hình đó không? Sau khi rời Trường Mẹ, mỗi người mỗi hướng đi, tôi thì chọn binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, còn bạn đã chọn Bộ Binh, thế là chúng ta chia tay đi trình diện đơn vị. Tôi vẫn nhớ những lúc chúng mình rủ các bạn và các niên trưởng niên đệ đến hàn huyên tâm sự, chén chú chén anh, đầy tình tự kể cho nhau nghe về những trận đánh gay go thảm khốc, những chiến công oanh liệt, hay là những hy sinh của các đồng đội nơi chiến trường, vui buồn lẫn lộn, có khi anh em thức cho tới sáng.

Mãi miết nhớ về thời xưa mà quên hỏi thăm bạn,xin lỗi bạn nhe. Suốt bao năm xa cách, tôi cầu mong rằng bạn và chị Ba vẫn được bình an. Còn tôi thì trong thời gian đi hành quân ở Pleiku, tôi đã dẫm phải một ổ mìn, thân mình tôi đã bị tung lên và tôi đã bị trọng thương. Vào bệnh viện họ đã cứu sống tôi, nhưng bây giờ tôi là một thương binh không còn bảnh trai và lành lặn như xưa nữa. Bạn cũng đừng bận tâm, tôi đang cố gắng kiên trì sống nốt quãng đời còn lại của mình.

Ngồi viết tâm sự đã lâu,tôi cảm thấy thấm mệt, đành phải ngừng viết ở đây thôi. Trước khi chấm dứt, tôi có một yêu cầu cùng bạn. Tôi gửi kèm theo tấm hình của Lan với địa chỉ của cô ấy ghi phía sau. Mong rằng nếu bạn còn yêu Lan, hãy vì tôi, đi tìm Lan và thay tôi hỏi cưới Lan như tôi đã từng hứa hẹn với cô ấy. Dù sao đi nữa, bạn hãy nhớ rằng, ở một góc trời nào đó, có tôi luôn luôn nhớ đến bạn và chúc phúc cho hai người.

Chào Tự Thắng,
Dzũng

Khi tôi xếp lá thư để bỏ trở lại chỗ cũ, tôi không quên đọc lại dòng chữ mà tôi đã ghi sau lưng lá thư: *Xin lỗi Dzũng, dù thương bạn, tôi không thể đáp ứng yêu cầu của bạn được.* Tôi tiếp tục lật tới trang sách có in hình của Dzũng và bùi ngùi thương cảm khi nhìn những dòng tâm tình của Dzũng in phía dưới tấm hình.



Tâm Anh Dzũng
Thích sống cuộc đời hải hồ ngang
dọc.
Nguyễn phục vụ tổ quốc
Để xứng đáng với tên của mình.

Tôi ngồi im lặng, tay ôm lấy cuốn lưu niệm, mà rơm rớm nước mắt. Dzũng ơi, bây giờ bạn ở đâu? Sống nơi đất khách quê người, tôi hằng cầu nguyện cho bạn, và hy vọng có một ngày không xa tôi sẽ trở về quê hương Việt Nam thân yêu của mình và gặp lại bạn dưới bóng Cờ Vàng.

NGƯỜI LÍNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ



*Anh nói đi ... làm sao ta bỏ được
Mãi miết hoài ... ta với cuộc đấu tranh
Cố lên anh! ... dù sức có yếu dần
Vì non nước ... gắng đạt thành nguyện ước
Hãy vùng lên ... quyết đấu tranh đạt được
quê hương mình ... sớm dân chủ tự do
dân an vui ... hưởng đời sống ấm no
thanh bình đến ... rạng danh trai nước Việt*



*Quyết tâm gìn giữ giang san
Quê cha đất tổ Việt Nam kiêu hùng
Vì Tổ Quốc vì non sông
Đồng tâm chung sức Con Rồng Châu Tiên*

*Cầu Trời cầu các anh linh
Giúp cho dân được thanh bình ấm no*



*Tim em mang lời nguyện khắc sâu
nỗi khổ hạnh trước sau tiếp nối
lệ nhỏ giọt cho đau thương tấp tễn
xin cúi đầu tạ ơn anh ... Anh ơi!
Vì Tổ Quốc anh ra đi lần cuối
tên Anh vẫn sống mãi muôn đời*

Minh Nguyệt

(Bà xã của Nam Sinh Tín, K17)